TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG** **Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST** **Ngày: 18/01/2024.** **V/v xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Ngoan.

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị T, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân Lâm Văn K, sinh năm 1980 (có mặt), địa chỉ: 132/41 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền số chứng thực: 1165, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2023.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T (D), sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Lộc, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

Luật sư Lê Khả Đ (có mặt), văn phòng luật sư Lê Khả Đ thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: 02 dãy B, đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.*

1/ Cao Văn T, sinh năm 1964. (có mặt)

2/ Cao Văn Y, sinh năm 1942. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Lộc, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Võ Thùy T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2008, không có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung, chị Nguyễn Như Q sinh năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia giá trị tài sản trên đất, thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018. Không yêu cầu chia đất hoặc giá trị đất.

Về nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của nguyên đơn anh Lâm Văn K không có ý kiến gì thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về thời gian kết hôn, không có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mâu thuẫn vợ chồng. Bị đơn Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với nguyên đơn Võ Thị T. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không đồng ý chia tài sản chung như nguyên đơn yêu cầu. Vì nguyên đơn chỉ đi làm công ty không có trồng và chăm sóc cây. Về nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cao Văn Tài trình bày: Cao Văn T thuê đất từ tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2022, thuê đất không có làm hợp đồng không có thỏa thuận về giá. Không có ý kiến hoặc yêu cầu trong vụ án này.

Cao Văn Y trình bày: các cây trồng trên đất là do ông Y trồng, canh tác đến năm 2019 giao lại cho anh T chị T canh tác đến năm 2022 thì chị T bỏ đi và cho

anh T canh tác. Ông Y không đồng ý chia giá trị cây trồng như yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn luật sư Lê Khả Đ trình bày: Không đồng ý chia tài sản vì quyền sử dụng đất là của ông Cao Văn Y và Nguyễn Văn T. Cây trồng là do ông Y trồng sử dụng hoa lợi để nuôi con riêng của ông T. Ông T và bà T được ông Y cho số cây trồng này hưởng hoa lợi thời gian ngắn, nên ông T và bà T không có công sức nhiều nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia giá trị cây trồng trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn. Về con chung con đã trưởng thành đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia giá trị cây trồng trên đất theo định giá, nguyên đơn được nhận 41.190.000 đồng, cây trồng trên đất giao lại cho bị đơn quản lý sử dụng. Về nợ chung, nợ cho vay không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Lộc, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Võ Thị T và bị đơn Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn vào năm 2008, theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn

là hợp pháp. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung nguyên đơn yêu cầu chia tài sản trên đất, thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018. Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản trên đất, trên đất có cây trồng là mít, sầu riêng, cóc, xoài, chuối, không có công trình vật kiến trúc. Bị đơn khai cây trồng trên đất là do ông Y trồng đến năm 2019 cho lại bị đơn và nguyên đơn. Ông Cao Văn Y khai cây trồng trên đất là do ông trồng đến năm 2019 cho lại anh T và chị T. Như vậy đủ cơ sở xác định cây trồng trên đất là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn, nên yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung là giá trị cây trồng trên đất là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào chứng thư định giá số 350/BĐS ngày 30/11/2023 tài sản trên đất có giá trị là 82.380.000 đồng. Do phần đất tại vị trí phía sau đất của ông Y, nên giao toàn bộ cây trồng này cho bị đơn, bị đơn phải trả lại phân nữa giá trị cây trồng cho nguyên là 41.190.000 đồng là phù hợp.

Về phần yêu cầu chia phần đất diện tích 2009.4m^2 thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Về nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 33, 38, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Võ Thị T và bị đơn Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, buộc bị đơn Nguyễn Văn T giao cho nguyên đơn Võ Thị T số tiền 41.190.000 đồng (bốn mươi mốt triệu một trăm chín mươi ngàn đồng), tiền phân nữa giá trị cây trồng. Giao toàn bộ số cây trồng trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 cho bị đơn Nguyễn Văn T.

Về nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

1.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5. Đình chỉ yêu cầu chia phần đất diện tích 2009.4m^2 thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 của nguyên đơn.

Đương sự được nhận lại tài liệu chứng cứ (nếu có) khi có yêu cầu.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011226 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Nguyên đơn Võ Thị T phải chịu án phí chia tài sản 2.059.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Chị Võ Thị T được nhận lại 5.441.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011225 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn Nguyễn Văn T phải chịu án phí chia tài sản 2.059.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí thẩm định, định giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nguyên đơn phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp xong. Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại chi phí thẩm định, định giá 2.500.000 đồng

(hai triệu năm trăm ngàn đồng), sau khi bị đơn nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Hữu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân